

Số: 07/2024/QĐST-DS

Ứng Hòa, ngày 21 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 92/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958.

Nơi ĐKKHKT: số nhà 15, ngõ 240, tổ 10, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1973.

Nơi ĐKKHKT: tổ 15, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Chỗ ở hiện nay: thôn Thái Bình, xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Thiện Dũng, sinh năm 1962; Địa chỉ: số nhà 15, ngõ 240, tổ 10, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Xác nhận nợ:* anh Nguyễn Văn C xác nhận vợ chồng anh có vay nợ của vợ chồng ông Nguyễn Thiện Dũng bà Nguyễn Thị N theo 02 giấy vay nợ ngày 26/5/2008

và 14/10/2010. Vợ chồng anh C đã thanh toán tiền lãi tính từ khi vay cho đến hết ngày 24/4/2009 cho vợ chồng ông Dũng bà N với tổng số tiền là 23.000.000đồng (*Hai mươi ba triệu đồng chẵn*). Anh C xác nhận hiện còn nợ vợ chồng bà N ông Dũng số tiền nợ gốc là 144.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng chẵn*) và tiền nợ lãi tính từ ngày 25/4/2009 đến hết ngày 25/3/2024 là 259.200.000đồng (*hai trăm năm mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng chẵn*); Nay chị Hồ Thúy Liễu – vợ anh C đã chết nên vợ chồng bà N ông Dũng chỉ yêu cầu một mình anh C có trách nhiệm trả nợ khoản tiền này cho ông bà. Anh C nhận toàn bộ trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà N ông Dũng.

Về mức lãi suất: Vợ chồng ông Dũng bà N cùng anh C đều tự nguyện thỏa thuận và thống nhất mức lãi suất áp dụng từ ngày 25/4/2009 cho đến khi anh C trả toàn bộ nợ cho vợ chồng ông Dũng bà N là 12%/năm.

2.2. Các bên thoả thuận về thời hạn, phương thức thanh toán như sau:

Anh C có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Dũng bà N toàn bộ số tiền nợ gốc 144.000.000đồng theo 03 đợt, cụ thể như sau:

- *Đợt 1:* chậm nhất đến hết ngày 13/4/2024 anh C có nghĩa vụ thanh toán trả cho vợ chồng ông Dũng bà N số tiền 44.000.000đồng (*Bốn mươi bốn triệu đồng chẵn*) nợ gốc;

- *Đợt 2:* chậm nhất đến hết ngày 13/5/2024 anh C có nghĩa vụ thanh toán trả cho vợ chồng ông Dũng bà N số tiền 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng chẵn*) nợ gốc;

- *Đợt 3:* chậm nhất đến hết ngày 13/6/2024 anh C có nghĩa vụ thanh toán trả cho vợ chồng ông Dũng bà N số tiền 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng chẵn*) nợ gốc còn lại.

Trường hợp anh C thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nêu trên (về thời gian trả, số tiền trả) thì vợ chồng ông Dũng bà N đồng ý miễn toàn bộ tiền nợ lãi cho anh C;

Trường hợp anh C vi phạm nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận đã nêu trên (vi phạm về thời gian trả hoặc số tiền trả) thì anh C tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán trả cho vợ chồng bà N ông Dũng tiền nợ lãi tính từ ngày 25/4/2009 đến 25/3/2024 là 259.200.000đồng (*hai trăm năm mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng*) và toàn bộ tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc với mức lãi suất 12%/năm kể từ ngày 26/3/2024 cho đến khi thanh toán xong tương ứng với thời gian chậm trả; đồng thời vợ chồng ông Dũng bà N được quyền làm đơn đến cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền yêu cầu thi hành án để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

2.3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án: Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu số tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 5.032.000 đồng; Chấp nhận sự tự nguyện của Bị đơn nộp cả 10.064.000 đồng; Bị đơn có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn và xin giảm một phần án phí nên giảm 50% án phí đối với phần nghĩa vụ Bị đơn phải chịu, do đó Bị đơn còn phải nộp 7.548.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Tr-ờng hợp quyết định đ-ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhân:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện □ng Hoà;
- Chi cục T.H.A DS huyện □ng Hoà;
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án; v/p.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Trung